

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 11
PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 949 /TTr - TCKH

Quận 11, ngày 28 tháng 6 năm 2019

UBND - QUẬN 11	
Số:.....	ĐẾN
Ngày: 28/6/19	
18h30	
Chuyển:.....	

TỜ TRÌNH
Về việc chấm điểm thi đua – khen thưởng khối giáo dục
năm học 2018-2019.

PHÒNG GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO QUẬN 11	
Số: 648	ĐẾN
Ngày: 05.7.2019	
Chuyển:.....	

Kính gửi: Đ/c Trần Phi Long – Phó Chủ tịch UBND quận 11.

Căn cứ Quyết định số 3012/QĐ-UBND ngày 06/12/2018 của UBND quận về quy định nội dung, tiêu chuẩn, thang điểm và quy trình tổ chức chấm điểm, xét duyệt thi đua trên địa bàn quận 11;

Phòng Tài chính – Kế hoạch có nhận công văn số 697/GDĐT-VP ngày 11/6/2019 của Phòng Giáo dục & Đào tạo về việc các phòng ban chuyên môn phối hợp chấm điểm theo bảng điểm 1100 cho Ngành Giáo dục & Đào tạo năm học 2018-2019 và công văn số 698/GDĐT-VP ngày 11/6/2019 của Phòng Giáo dục & Đào tạo về việc chuyển nộp bảng chấm điểm Thi đua – Khen thưởng Ngành Giáo dục & Đào tạo năm học 2018-2019 (Kèm theo bảng điểm tự chấm của các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập thuộc quận).

Qua rà soát hồ sơ, các tiêu chí, thang điểm tự chấm của từng đơn vị giáo dục, Phòng Tài chính – Kế hoạch thực hiện chấm điểm các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trực thuộc quận như sau:

Khối Mầm non	17 đơn vị
Khối Tiểu học	18 đơn vị
Khối Trung học cơ sở	09 đơn vị
Khối Giáo dục khác	02 đơn vị
Tổng cộng	46 đơn vị

(Đính kèm bảng tổng hợp chấm điểm thi đua của từng cấp học Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở và Giáo dục khác)

Kính trình Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét, quyết định./.

Nơi nhận :

- Như trên;
- VP. HĐND & UBND quận;
- Phòng Nội vụ, Phòng GD&ĐT;
- Lưu: VT, Tổ 3 (H8b).



Hoàng Thị Nga

Ý KIẾN PHÊ DUYỆT CỦA LÃNH ĐẠO UBND QUẬN



Trần Phi Long

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 11
PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG HỢP CHẤM ĐIỂM THI ĐUA NĂM HỌC 2018-2019
(Khối Mầm non)

(Đính kèm Tờ trình số 949 /TTr-TCKH ngày 28 tháng năm 2019 của Phòng Tài chính Kế hoạch)

STT	Nội dung	điểm chuẩn	Khối Mầm non																
			Phường 1	Phường 2	Phường 3	Phường 4	Phường 5	Phường 6	Phường 7	Phường 8	Phường 9	Phường 10	Phường 11	Phường 12	Phường 13	Phường 14	Phường 15	Phường 16	Quận
I	CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH	150,00	150,00	150,00	147,00	150,00	147,50	150,00	150,00	149,00	150,00	149,00	148,50	149,00	149,00	149,00	150,00	149,50	150,00
1	Xây dựng dự toán ngân sách.	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00
2	Thực hiện chính sách, chế độ tài chính	100,00	100,00	100,00	97,00	100,00	97,50	100,00	100,00	99,00	100,00	99,00	98,50	99,00	99,00	99,00	100,00	99,50	100,00
	- Xây dựng và thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ đảm bảo theo quy định	20,00	20,00	20,00	19,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	19,50	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00
	- Thực hiện theo dõi, cập nhật hệ thống số sách, chứng từ kế toán.	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	27,50	30,00	30,00	30,00	30,00	29,00	30,00	30,00	29,00	30,00	30,00	30,00	30,00
	- Thực hiện các chính sách, chế độ tài chính hiện hành	30,00	30,00	30,00	28,00	30,00	30,00	30,00	30,00	29,00	30,00	30,00	29,00	30,00	29,00	30,00	30,00	30,00	30,00
	- Công khai dự toán và quyết toán ngân sách	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00
3	Tình hình quản lý, sử dụng tài sản công	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00
	- Thực hiện các quy định về sửa chữa, mua sắm và thanh lý tài sản	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00
	- Cập nhật sổ sách, quản lý và sử dụng tài sản công.	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00
4	Thực hiện kiến nghị Kiểm toán, Thanh tra và Kiểm tra	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00
II	CHẾ ĐỘ THÔNG TIN BÁO CÁO	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
1	Thời gian nộp Quy chế chi tiêu nội bộ	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00
2	Báo cáo tài chính	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00
a	Báo cáo tài chính hàng quý	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00



STT	Nội dung	điểm chuẩn	Khối Mầm non																Quận
			Phường 1	Phường 2	Phường 3	Phường 4	Phường 5	Phường 6	Phường 7	Phường 8	Phường 9	Phường 10	Phường 11	Phường 12	Phường 13	Phường 14	Phường 15	Phường 16	
b	Bảo cáo tài chính năm	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00
3	Bảo cáo Lao động tiền lương hàng quý, năm	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00
4	Bảo cáo thực hiện Nghị định 43 (sau này là ND 16)- 6 tháng, năm)	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00
5	Bảo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00
a	Chế độ báo cáo hàng năm	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00
b	Công tác nhập liệu vào phần mềm QLTS	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00
6	Báo cáo đột xuất khác theo yêu cầu	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00
	Tổng điểm (I + II)	250,00	250,00	250,00	250,00	247,00	250,00	247,50	250,00	250,00	249,00	250,00	249,00	248,50	249,00	249,00	250,00	249,50	250,00

***Thuyết minh:**

I. Về công tác Quản lý tài chính

- Trường Mầm non Phường 4: Trừ 3đ (Đơn vị xây dựng quy chế năm 2018 chưa đầy đủ các nội dung thu chi (-1đ), thực hiện thanh quyết toán một số khoản chi từ nguồn ngân sách không theo đúng niên độ tài chính (-1đ), chi quỹ ban đại diện cha mẹ học sinh chưa đúng theo quy định tại Thông tư 55 (-1đ))
- Trường Mầm non Phường 6: Trừ 2,5đ (Đơn vị quyết toán biên lai trả quỹ IV/2018 (-2,5đ))
- Trường Mầm non Phường 9: Trừ 1đ (Đơn vị trích nguồn CCTL còn thiếu (-1đ))
- Trường Mầm non Phường 11: Trừ 1đ (Đơn vị đơn vị cấp nhất số quỹ tiền mặt của thu quỹ chưa kịp thời và còn sai sót (-1đ)).
- Trường Mầm non Phường 12: Trừ 1,5đ (Đơn vị chưa bổ sung vào quỹ chế CTNB nội dung hỗ trợ TNIT theo NQ03 cho HD 68, chi tăng thu nhập hỗ trợ đời sống cho CB-GV-CNV không qua chênh lệch thu chi theo quy định (-0,5đ); trích nguồn CCTL còn thiếu (-1đ))
- Trường Mầm non Phường 13: Trừ 1đ (Đơn vị trích nguồn CCTL còn thiếu (-1đ))
- Trường Mầm non Phường 14: Trừ 1đ (Đơn vị hạch toán chi lệ phí PCCC, sửa thang máy, sửa máy vi tính sai nguồn (-0,5đ), nội dung thu chiết khấu từ hợp đồng cung cấp thực phẩm không đính kèm biên nhận để xác nhận số tiền thu (-0,5đ))
- Trường Mầm non Phường 16: Trừ 0,5đ (Đơn vị lập chứng từ chuyển khoản thanh toán cho các Công ty cung cấp dịch vụ chưa chính xác (-0,5đ))

TỔNG HỢP CHẤM ĐIỂM THI ĐUA NĂM HỌC 2018-2019

(*Khởi Tiểu học*)

(Đính kèm Tờ trình số 919/TTTr-TCKH ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Phòng Tài chính Kế hoạch)

STT	Nội dung	Điểm chuẩn	Khởi Tiểu học																
			Hưng Việt	Nguyễn Thị	Phòng Hưng	P Văn hai	Hòa Bình	Trần Văn Ôn	Ấu Cơ	Đề Thám	L L Quân	HH Nguyễn	N Bá Ngọc	Thái Phiên	Quyết Thắng	Phú Thọ	Đại Thành	Trung Trắc	L Đ Chính
I	CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH	150,00	145,00	150,00	148,00	149,50	148,50	148,50	139,50	149,00	144,00	149,00	149,00	106,00	141,50	150,00	149,50	150,00	142,0
1	Xây dựng dự toán ngân sách.	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00
2	Thực hiện chính sách, chế độ tài chính	100,00	95,00	100,00	98,00	99,50	98,50	98,50	94,50	99,00	94,00	99,00	99,00	56,00	91,50	100,00	99,50	100,00	92,0
	- Xây dựng và thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ đảm bảo theo quy định	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	19,50	19,50	19,50	20,00	19,00	20,00	20,00	10,00	19,50	20,00	19,50	20,00	20,0
	- Thực hiện theo dõi, cập nhật hệ thống số sách, chứng từ kế toán.	30,00	25,00	30,00	30,00	29,50	29,00	29,00	26,00	29,00	26,00	29,50	29,00	10,00	22,00	30,00	30,00	29,50	22,0
	- Thực hiện các chính sách, chế độ tài chính hiện hành	30,00	30,00	30,00	28,00	30,00	30,00	30,00	29,00	30,00	29,00	29,50	30,00	26,00	30,00	30,00	30,00	29,50	30,0
	- Công khai dự toán và quyết toán ngân sách	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	10,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,0
3	Tình hình quản lý, sử dụng tài sản công	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00
	- Thực hiện các quy định về sửa chữa, mua sắm và thanh lý tài sản	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00
	- Cập nhật sổ sách, quản lý và sử dụng tài sản công.	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	5,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00
4	Thực hiện kiến nghị Kiểm toán, Thanh tra và Kiểm tra	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00
II	CHẾ ĐỘ THÔNG TIN BÁO CÁO	100,00	100,00	100,00	100,00	95,00	100,00	100,00	84,00	100,00	85,00	95,00	100,00	94,00	99,00	95,00	100,00	100,00	100,00
1	Thời gian nộp Quy chế chi tiêu nội bộ	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	19,00	20,00	20,00	20,00	20,00	19,00	19,00	20,00	20,00	20,00	20,00
2	Báo cáo tài chính	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00
a	Báo cáo tài chính hàng quý	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00
b	Báo cáo tài chính năm	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00
3	Báo cáo Lao động tiền lương hàng quý, năm	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00
4	Báo cáo thực hiện Nghị định 43 (sau này là ND 16) - 6 tháng, năm)	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00
5	Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công	20,00	20,00	20,00	20,00	15,00	20,00	20,00	5,00	20,00	5,00	15,00	20,00	15,00	20,00	15,00	20,00	20,00	20,00

STT	Nội dung	Điểm chuẩn	Khối Tiểu học																	
			Hưng Việt	Nguyễn Thị	Phùng Hưng	P Văn hai	Hòa Bình	Trần Văn Ôn	Âu Cơ	Đề Thám	L.L Quân	HH Nguyễn	N Bá Ngọc	Thái Phiên	Quyết Thắng	Phú Thọ	Đại Thành	Trung Trắc	L Đ Chính	NT Nhỏ
a	Chế độ báo cáo hàng năm	15,00	15,00	15,00	15,00	10,00	15,00	15,00	0,00	15,00	0,00	10,00	15,00	10,00	15,00	10,00	15,00	15,00	15,00	
b	Công tác nhập liệu vào phần mềm QL.TS	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	
6	Báo cáo đột xuất khác theo yêu cầu	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	
	Tổng điểm (I + II)	250,00	245,00	250,00	248,00	244,50	248,50	248,50	223,50	249,00	229,00	244,00	249,00	200,00	240,50	245,00	249,50	250,00	249,00	242,0

* Thuyết minh

I. Về công tác Quản lý tài chính

- Trường Tiểu học Âu Cơ: Từ 10,5đ (Đon vị chưa đánh số trang và chưa cập nhật sổ quỹ tiền mặt của thu quỹ kịp thời (-1đ), đơn vị hạch toán thu chi trên sổ sách không phản ánh đúng và kịp thời tình hình thực tế của đơn vị (-1đ), đơn vị không thường xuyên kiểm tra, đối chiếu số dư tiền mặt, tiền gửi với số dư các nguồn thu theo sổ sách (-1đ), đơn vị chưa hoàn tất công tác khóa sổ kế toán tài thời điểm kiểm tra (-1đ), chưa điều chỉnh quy chế chi tiêu nội bộ theo thực tế phát sinh (-0,5đ), trích cải cách tiền lương thiếu (-1đ), chưa thực hiện đầy đủ và khắc phục các kiến nghị của kiểm toán (-5đ)).
- Trường Tiểu học Hưng Việt: Từ 5đ (Đon vị theo dõi chứng từ chưa đúng quy định (-0,5đ); số tiền quỹ tiền mặt cuối tháng không ghi số tiền bằng chữ, chưa hạch toán kịp thời số thu theo biên lai thu tiền của học sinh (-1,5 đ), quỹ ban EDCMHS theo dõi chung với nguồn tài trợ (-0,5đ), quyết toán biên lai quỹ III/2018 trễ (-2,5đ))
- Trường Tiểu học Đề Thám: Từ 1đ (Đon vị không ghi chép sổ quỹ để theo dõi các khoản thu chi quỹ CMHS (-0,5đ), sổ quỹ tiền mặt của thu quỹ chưa đánh hết số trang, số tồn quỹ cuối tháng chưa ghi số tiền bằng chữ (-0,5đ)).
- Trường Tiểu học Hàn Hải Nguyên: Từ 1đ (Đon vị để tồn quỹ tiền mặt quá nhiều (-0,5đ), sổ quỹ tiền mặt thu quỹ chưa đánh số trang (-0,5đ))
- Trường Tiểu học Lạc Long Quân: Từ 6đ (Đon vị ghi chép sổ quỹ tiền mặt chưa đúng quy định (-0,5đ); lập và theo dõi và bảo quản chứng từ kế toán chưa đúng quy định (-1đ); quy chế CTNB chưa xây dựng chi tiết định mức chi cho đối tượng chi thanh toán từ nguồn thu và chưa điều chỉnh theo số thực tế phát sinh cuối năm (-0,5đ); nội dung trên chứng từ thu chi quỹ ban EDCMHS chưa đúng quy định (-0,5đ); nguồn CCTL năm 2018 trích thiếu (-1đ), quyết toán biên lai trễ quỹ III/2018 (-2,5đ)).
- Trường Tiểu học Lê Đình Chinh: Từ 1đ (Đon vị chưa hạch toán và theo dõi tiền lãi ngân hàng vào sổ thu của đơn vị (-0,5đ); chưa thực hiện ghi chép sổ quỹ tiền mặt theo đúng quy định (-0,5đ)).
- Trường Tiểu học Phạm Văn Hai: Từ 0,5đ (Đon vị hạch toán chưa chính xác số và ngày chứng từ theo chứng từ ghi sổ (-0,5đ))
- Trường Tiểu học Phùng Hưng: Từ 2đ (Đon vị chưa thực hiện đúng quy trình mua sắm, sửa chữa nhỏ, không có phiếu đề xuất các nội dung mua sắm, sửa chữa (-1đ); trích CCTL thiếu (-1đ))
- Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc: Từ 1đ (Đon vị lập một số chứng từ không kèm hóa đơn, sổ quỹ tiền mặt của TQ không có bút toán tồn mỗi ngày, chưa đánh số trang đầy đủ (-0,5đ); quỹ ban EDCMHS có một số nội dung chi không đúng theo quy định (-0,5đ))
- Trường Tiểu học Thái Phiên: Từ 4đđ (Đon vị thực hiện sai quy định về nhiệm vụ của kế toán (-1đ), Chưa thường xuyên đối chiếu giữa thu quỹ và kế toán (-1đ), lập, lưu trữ chứng từ kế toán chưa đúng quy định (-5đ), không sử dụng hóa đơn do để thanh toán các nội dung trên 200.000đ (-1đ), để tồn quỹ tiền mặt quá nhiều (-1đ), không cân đối thu chi trước khi thực hiện chi nên số dư cuối kỳ một số nguồn thu bị âm (-1đ), quản lý và sử dụng biên lai không đúng quy định (-10đ), Xây dựng và thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ chưa đúng quy định (-10đ), Trích cải cách tiền lương thiếu (-1đ), chi phụ cấp thêm giờ nhưng không có bằng chứng công theo quy định (-1đ), sử dụng nguồn thu hộ, chi hộ để chi lương không đúng quy định (-2đ), Chưa thực hiện công khai quyết toán, dự toán đầy đủ (-10đ).
- Trường Tiểu học Quyết Thắng: Từ 8,5đ (Đon vị thực hiện lập, theo dõi và bảo quản chứng từ kế toán chưa đúng theo quy định (-1đ), ghi chép sổ quỹ tiền mặt chưa đúng (-0,5đ); chưa có phụ lục điều chỉnh cách chia tăng thu nhập và tỷ lệ trích lập các quỹ theo thực tế phát sinh (-0,5đ); quỹ ban EDCMHS có một số nội dung chi không đúng theo quy định (-0,5đ); không sử dụng biên lai tài chính thu tiền BHYT, BHYT học sinh, tiền ăn, tiền nước uống, ... (-1đ), quyết toán biên lai trễ quỹ III/2018 và quỹ IV/2018 (-5đ))
- Trường Tiểu học Hòa Bình: Từ 1,5đ (Đon vị lập chứng từ chưa theo quy định (-0,5đ); quy chế CTNB chưa xây dựng cụ thể định mức chi cho bộ phận trực tiếp, gián tiếp từ nguồn thu, chưa bổ sung nội dung thống nhất mức chia sẻ chi CNTT theo NQ 03 cho HD 68 (-0,5đ); một số nội dung chi từ quỹ Ban EDCMHS chưa có chứng từ gốc (-0,5đ))
- Trường Tiểu học Trần Văn Ôn: Từ 1,5đ (Đon vị lập một số phiếu thu không kèm biên nhận hoặc chứng từ để làm căn cứ xuất phiếu thu (-0,5đ); quy chế CTNB chưa xây dựng cụ thể cách chia cho các đối tượng trong bộ phận trực tiếp, gián tiếp, chi cho bộ phận trực tiếp cao hơn tỷ lệ đã xây dựng (-0,5đ); quỹ ban EDCMHS một số nội dung chi trên 5 triệu chi bằng tiền mặt (-0,5đ))
- Trường Tiểu học Đại Thành: Từ 0,5đ (Đon vị chưa bổ sung nội dung thống nhất mức chia sẻ thu nhập tăng thêm theo NQ03 cho HD 68 vào quy chế chi tiêu nội bộ (-0,5đ))
- Trường Tiểu học Nguyễn Thị Nhỏ: Từ 8đ (Đon vị chưa hoàn tất sổ sách và chứng từ kế toán tài thời điểm kiểm tra theo Kế hoạch (-1đ), Chưa thực hiện đúng quy trình về quản lý tiền mặt tại đơn vị (-2đ), chưa thường xuyên đối chiếu giữa thu quỹ và kế toán (-1đ), quyết toán biên lai trễ quỹ III/2018 và quỹ IV/2018 (-5đ))

II. Về chế độ thông tin báo cáo

- Trường Tiểu học Quyết Thắng: Trừ 1đ (Chưa nộp quy chế chi tiêu nội bộ năm 2019 (-1đ))
- Trường Tiểu học Phạm Văn Hai: Trừ 5đ (báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công không đầy đủ nội dung theo yêu cầu (-5đ))
- Trường Tiểu học Hàn Hải Nguyên: Trừ 5đ (báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công không đầy đủ nội dung theo yêu cầu (-5đ))
- Trường Tiểu học Lạc Long Quân: Trừ 15đ (chưa nộp báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công (-15đ))
- Trường Tiểu học Phú Thọ: Trừ 5đ (báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công không đầy đủ nội dung theo yêu cầu (-5đ))

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 11
PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG HỢP CHẤM ĐIỂM THI ĐUA NĂM HỌC 2018-2019

(Khởi Trung học cơ sở và Giáo dục khác)

(Đính kèm Tờ trình số 99/TTr-TCKH ngày 24 tháng Năm 2019 của Phòng Tài chính Kế hoạch)

[illegible]

STT	Nội dung	Điểm chuẩn	Khối THCS & Giáo dục khác										
			Chu Văn An	Lữ Gia	Hậu Giang	Ng Văn Phú	LQ Đôn	Ng Huệ	Ng M Hoàng	Lê Anh Xuân	Phú Thọ	15 Th 5	Bồi dưỡng GD
4	Báo cáo thực hiện Nghị định 43 (sau này là ND 16- 6 tháng, năm)	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00
5	Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công	20,00	15,00	20,00	20,00	5,00	20,00	20,00	15,00	15,00	15,00	20,00	15,00
	Chỉ độ báo cáo hàng năm	15,00	10,00	15,00	15,00	0,00	15,00	15,00	10,00	10,00	10,00	15,00	10,00
b	Công tác nhập liệu vào phần mềm QLTS	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00
6	Báo cáo đột xuất khác theo yêu cầu	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00
	Tổng điểm (I + II)	250,00	240,50	246,50	249,50	228,50	249,50	250,00	244,00	234,00	244,00	249,00	244,00

*** Thuyết minh:**

I. Về công tác Quản lý tài chính:

- Trường THCS Chu Văn An: Trừ 4,5đ (Đơn vị chưa hoàn tất số liệu quyết toán tại thời điểm kiểm tra (-1đ), trích cải cách tiền lương thiếu (-1đ), quyết toán biên lai trả quỹ IV/2018 (-2,5đ)).
- Trường THCS Lữ Gia: Trừ 3,5đ (Một số chứng từ thiếu chữ ký các đối tượng có liên quan (-0,5đ); biên lai thu tiền thiếu chữ ký phụ huynh học sinh (-0,5đ), quyết toán biên lai trả quỹ IV/2018 (-2,5đ)).
- Trường THCS Nguyễn Văn Phú: Trừ 5,5đ (Đơn vị chưa hoàn tất số liệu quyết toán tại thời điểm kiểm tra (-1đ); trích cải cách tiền lương thiếu (-1đ); hạch toán một số nguồn thu chưa đúng quy định (-1đ), quyết toán biên lai trả quỹ IV/2018 (-2,5đ)).
- Trường THCS Hậu Giang: Trừ 0,5đ (Hạch toán thiếu nguồn CCTL tại thời điểm kiểm tra (-0,5đ)).
- Trường THCS Lê Anh Xuân: Trừ 10đ (Năm học 2018-2019, đơn vị bị thanh tra theo đơn khiếu nại, tố cáo (-10đ)).
- Trường THCS Lê Quý Đôn: Trừ 0,5đ (Hạch toán số thứ tự chứng từ một số chứng từ chưa đúng quy định (-0,5đ))
- Trường THCS Phú Thọ: Trừ 1đ (Đơn vị trích cải cách tiền lương còn thiếu (-1đ))
- Trường CB 15/5: Trừ 1đ (Đơn vị chưa thực hiện phương thức thanh toán theo TT số 13/2017/TT-BTC (-0,5đ); chưa bổ sung vào quy chế CTNB nội dung chi CNTT theo NQ03 chi HD 68 (-0,5đ))

II. Về chế độ thông tin báo cáo:

- Trường THCS Chu Văn An: Trừ 5đ (Đơn vị báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công không đầy đủ nội dung theo yêu cầu (-5đ)).
- Trường THCS Ng Văn Phú: Trừ 16đ (Đơn vị chưa nộp quy chế chi tiêu nội bộ (-1đ), chưa nộp báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công (-15đ)).
- Trường THCS Nguyễn Minh Hoàng: Trừ 6đ (Đơn vị chưa nộp quy chế chi tiêu nội bộ (-1đ), báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công không đầy đủ nội dung theo yêu cầu (-5đ))
- Trường THCS Lê Anh Xuân: Trừ 6đ (Đơn vị chưa nộp quy chế chi tiêu nội bộ (-1đ), báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công không đầy đủ nội dung theo yêu cầu (-5đ))
- Trường THCS Phú Thọ: Trừ 5đ (Đơn vị báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công không đầy đủ nội dung theo yêu cầu (-5đ))
- Trường Bồi dưỡng giáo dục: Trừ 6đ (Đơn vị chưa nộp quy chế chi tiêu nội bộ (-1đ), báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công không đầy đủ nội dung theo yêu cầu (-5đ))